

Số: 231/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 20 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo thịt, quy mô 24.000 con tại thôn Phú Hòa, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông của Công ty Cổ phần đầu tư chăn nuôi Quảng Phú

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo thịt, quy mô 24.000 con tại thôn Phú Hòa, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông của Công ty Cổ phần đầu tư chăn nuôi Quảng Phú;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 55/TTr-STNMT-BVMT ngày 19 tháng 02 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo thịt, quy mô 24.000 con tại thôn Phú

Hòa, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông của Công ty Cổ phần đầu tư chăn nuôi Quảng Phú (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu sau:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này; các nội dung bảo vệ môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường đề được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thường xuyên kiểm tra hiệu suất của các hạng mục công trình xử lý môi trường, trong trường hợp có những thay đổi phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Đắk Nông.

Điều 4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Được thành lập theo Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh) chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về nội dung tham mưu tại Quyết định này.

Điều 6. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND huyện Krông Nô thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định.

Yêu cầu UBND huyện Krông Nô không quy hoạch, không đề xuất quy hoạch khu dân cư xung quanh khu vực Dự án để đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Môi trường;
- Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT, KH&CN, XD;
- UBND huyện Krông Nông;
- UBND xã Quảng Phú;
- Công ty CP đầu tư chăn nuôi Quảng Phú;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, CTTĐT, KTN(N).

✍

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng

Phụ lục

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG TRANG TRẠI CHĂN NUÔI HEO THỊT, QUY MÔ 24.000 CON CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHĂN NUÔI QUẢNG PHÚ**

*(Kèm theo Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo thịt, quy mô 24.000 con.
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần đầu tư chăn nuôi Quảng Phú.
- Đại diện là: Bà Phan Thị Minh Thư - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Địa chỉ: 351/31 N'Trang Long, phường 13, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 0942.812.346.
- Vị trí thực hiện dự án: Tại thôn Phú Hòa, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Quy mô đàn: 24.000 con heo thịt.
- Diện tích thực hiện dự án: 110.998,1 m².

Trong đó:

- Diện tích xây dựng các hạng mục công trình chính: 19.428 m²;
- Diện tích các công trình phụ trợ: 41.721 m²;
- Diện tích các hạng mục công trình xử lý chất thải: 49.850 m²;
- Hình thức chăn nuôi: Theo mô hình tập trung, công nghệ cao, khép kín;
- Hạng mục khai thác nước dưới đất và các nội dung liên quan đến khai thác và sử dụng nguồn nước phục vụ Dự án không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường này.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Tác động trong giai đoạn thi công xây dựng (Do việc vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; thi công các hạng mục công trình của Dự án): các

nguồn tác động liên quan đến chất thải (*chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn; bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung ...*); các nguồn tác động không liên quan đến chất thải (*tác động đến cộng đồng, an ninh trật tự, kinh tế-xã hội địa phương; tác động đến nguồn nước ngầm và các tác động do các rủi ro, sự cố do hoạt động thi công xây dựng của Dự án ...*).

Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Các nguồn tác động liên quan đến chất thải (*chất thải rắn từ hoạt động chăn nuôi, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải từ hoạt động chăn nuôi, nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn; bụi, khí thải, tiếng ồn ...*); các nguồn tác động không liên quan đến chất thải (*tác động đến cộng đồng, kinh tế - xã hội địa phương; tác động đến nguồn nước ngầm và các tác động do các rủi ro, sự cố của Dự án ...*).

2.2. Các loại chất thải chính phát sinh trong giai đoạn vận hành

- Nước thải: Nước thải sinh hoạt (khoảng 3,28 m³/ngày); nước thải chăn nuôi (khoảng 331,6 m³/ngày đêm).

- Chất thải rắn:

+ Chất thải sinh hoạt (khoảng 20 kg/ngày).

+ Chất thải từ hoạt động chăn nuôi heo: Chất thải chăn nuôi khoảng 38.400 kg/ngày, chất thải rắn là các loại bao bì khác khoảng 240 kg/ngày, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 1.970 kg/ngày.

- Chất thải nguy hại: Khoảng 35 kg/tháng dạng rắn và khoảng 8 lít dầu/năm/2 kỳ bảo dưỡng dạng lỏng.

- Chất thải khác (heo chết từ quá trình dịch bệnh): Phát sinh không thường xuyên.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thu gom nước mưa: Xung quanh khu chăn nuôi, các công trình phụ trợ khác và hệ thống xử lý nước thải.

- Trên các tuyến đường thoát nước có bố trí song chắn rác, các hố ga lắng cặn và thoát ra khe cạn phía Nam dự án.

3.1.2. Công trình thu gom, thoát nước thải

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, gồm: Nước thải sinh hoạt (Nước thải vệ sinh xử lý qua bể tự hoại → tự thấm); nước thải từ hoạt động chăn nuôi (Nước thải thu gom từ Trại nuôi heo hậu bị → Bể thu gom → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất khoảng 450 m³/ngày đêm).

- Quy trình thu gom nước thải: Hệ thống thu gom nước thải từ khu chuồng nuôi đến khu xử lý chất thải phải kín, quét hồ dầu chống thấm đảm bảo để thoát nước và không thoát chung với đường thoát nước khác.

- Quy trình xử lý nước thải của Dự án:

Nước thải → Bể thu gom → Hầm Biogas → Hồ điều hòa → Bể trộn 1 → Bể làm thoáng → Bể trộn 2 → Bể trộn 3 → Bể lắng 1 → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng 2 → Hồ sinh học bậc 1 → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Hồ sinh học bậc 2 (đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B) → Khe cạn phía Nam của Dự án (mùa mưa) → Tái sử dụng với mục đích tưới cây xanh (mùa khô).

- Lắp đặt đồng hồ hoặc thiết bị đo lưu lượng để quan trắc lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

- Sử dụng chế phẩm sinh học GEM K để hạn chế mùi hôi.

- Khí gas thu từ hầm biogas được thu gom bằng các ống thu khí dẫn về khu xử lý khí thải (lò đốt xác heo, đun nấu và máy đốt xử lý khí gas thừa).

- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để tạo dải cách ly với khu vực bên ngoài và hạn chế mùi hôi (diện tích trồng cây xanh 44.861 m²).

3.3. Về công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy tại khu vực văn phòng điều hành, nhà bếp, nhà ăn và tuyến đường nội bộ; phân loại và xử lý theo quy định.

- Chất thải chăn nuôi (phân heo): Thu gom bằng hút phân → Máy ép phân (Nước thải từ hoạt động ép phân thu gom về hệ thống xử lý nước thải) → Khử trùng (bằng vôi) → Nhà ủ phân → (Chất thải rắn trước khi đưa ra ngoài phải được xử lý đảm bảo vệ sinh dịch tễ theo quy định hiện hành của Luật Thú y).

- Bùn thải thu gom từ hệ thống xử lý nước thải: Tách nước và xử lý vi sinh vật trước khi bán cho các đơn vị có nhu cầu dùng làm nguyên liệu sản xuất phân vi sinh hoặc bán cho người dân làm phân bón.

3.4. Về biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

- Xác heo chết xử lý bằng lò đốt.

- Bố trí Nhà lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại (diện tích 24 m²); hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Heo chết do dịch bệnh phải tiêu hủy theo quy định của Luật Thú y.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Lò đốt xác: Đối với xác heo chết sử dụng lò đốt công suất 500 kg/ngày; trong trường hợp gia súc bị bệnh dịch truyền nhiễm nguy hiểm, phải xử lý, tiêu hủy theo QCVN 01-41:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật và quy định của Luật Thú y, Luật Bảo vệ môi trường.

- Bể sự cố (dung tích khoảng 4.000 m³, rộng 20 m - dài 40 m - sâu 5 m): Là công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải; lưu chứa nước thải khi hệ thống gặp sự cố, được bơm về lại các hồ của hệ thống để tiếp tục xử lý.

- Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ, an toàn về điện.

- Áp dụng các nguyên tắc, quy định về phòng chống dịch bệnh và an toàn vệ sinh môi trường trong chăn nuôi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016, Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Hệ thống song chắn rác, bể tự hoại.
- Công trình xử lý nước thải từ hoạt động chăn nuôi: Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất khoảng 450 m³/ngày đêm).
- Hệ thống thu gom nước mưa.
- Máy ép phân (công suất khoảng 5 – 20 m³/giờ).
- Thùng chứa có nắp đậy để lưu giữ tạm thời chất thải sinh hoạt.
- Nhà lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại (diện tích 24 m²).
- Trồng cây xanh trong khu vực Dự án (diện tích 44.861 m²).

5. Chương trình giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực san lấp mặt bằng và xây dựng công trình.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, CO, NO₂, SO₂, tiếng ồn, độ rung.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Theo dõi thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn trong quá trình thi công và chất thải nguy hại.

- Vị trí giám sát: Tại khu vực lán trại công nhân và khu vực thi công xây dựng.

- Giám sát định kỳ: 3 tháng/01 lần.

5.1.3. Giám sát nước thải

- Thông số giám sát: Khối lượng thải, pH, chất rắn lơ lửng, DO, BOD, COD, tổng N, tổng P, coliform.

- Số điểm: 01 điểm.

- Vị trí giám sát: Hồ lắng nước thải phương tiện thiết bị.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Trách nhiệm thực hiện giám sát: Chủ dự án, nhà thầu xây dựng, nhà thầu giám sát.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.1.4. Giám sát khác

- Ngoài việc giám sát các chất thải phát sinh thì Chủ dự án còn giám sát an toàn sụt lún, sạt lở đất đá khi thi công công trình, giám sát tại những vị trí thi công có nguy cơ gây sạt lở để đảm bảo an toàn lao động trong suốt quá trình thi công xây dựng của Dự án.

- Giám sát các hoạt động thi công xây dựng của Dự án, công tác vận chuyển cung cấp nguyên vật liệu, tiến độ thực hiện Dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát môi trường khí thải, không khí môi trường lao động

* Khí thải sau lò đốt xác:

- Thông số giám sát: Lưu lượng thải, nhiệt độ, CH₄, CO₂, H₂S, NH₃.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí ống khí thải sau lò đốt xác.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/1 lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 20:2009/BTNMT.

- Tọa độ: 447.827/1.353.614.

* Không khí môi trường lao động:

- Số lượng mẫu: 03 mẫu.

- Vị trí giám sát:

+ K1: 01 điểm trong khu vực xử lý nước thải;

+ K2: 01 điểm khu vực kho, khu điều hành;

+ K3: 01 điểm trong khu vực chuồng trại chăn nuôi

- Tần suất khảo sát: 03 tháng /lần và kiểm tra đột xuất khi có sự cố.

- Các thông số lựa chọn để giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, bụi tổng, CO,

NO_x, SO₂, H₂S, NH₃, Mercaptan.

- Quy chuẩn so sánh: Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y Tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động; 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.2.2. Giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt

- Thông số giám sát: Lưu lượng phát sinh, pH, BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), tổng Coliform.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí, sau bể tự hoại.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/ lần.

- Thiết bị thu mẫu và phương pháp phân tích: Phương pháp tiêu chuẩn.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14-MT:2015/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Tọa độ: 447.758/1.353.632.

5.2.3. Giám sát chất lượng nước thải chăn nuôi

- Vị trí giám sát: 02 vị trí, trước và sau hệ thống xử lý nước thải.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/ lần.

+ Thông số giám sát: pH, độ màu, TSS, BOD₅, COD, N tổng, P tổng, Sulfua, Amoni, Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B). Coliform, E.Coli, Salmonella, Quy chuẩn so sánh: QCVN 01- 14:2010/BNNPTNT.

- Tọa độ: Trước xử lý: 447.701/1.353.661; sau xử lý: 447.571/1.353.167.

5.2.4. Giám sát chất thải rắn thông thường

- Thông số giám sát: Tiến hành giám sát về thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường.

- Vị trí giám sát:

+ Giám sát chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực nhà ở và sinh hoạt của công nhân.

+ Giám sát chất thải rắn thông thường tại nhà chứa rác, nhà chứa phân, ...

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2.5. Giám sát chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Tiến hành giám sát về thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý.

- Vị trí giám sát: Kho chứa chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2.6. Giám sát khác: Ngoài công tác giám sát các chất thải phát sinh, Chủ dự án còn giám sát các công trình xử lý môi trường để có biện pháp phòng chống, khắc phục kịp thời các nguy cơ có thể xảy ra sự cố.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước và thú y. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6.2. Thiết kế chi tiết các hạng mục công trình xử lý môi trường, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng; xây dựng hoàn chỉnh các công trình xử lý chất thải của Dự án và tổ chức vận hành thử nghiệm theo quy định. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Nước thải xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải chăn nuôi và các quy định có liên quan về môi trường và phải phù hợp với mục đích sử dụng của nguồn tiếp nhận nước thải (tưới cây và tái sử dụng vệ sinh chuồng trại).

6.3. Việc tuần hoàn nước thải phát sinh từ trang trại được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải dành cho mục đích tưới cây phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Được tưới trực tiếp cho cây trồng, tái sử dụng.

- Lập phương án, kế hoạch theo từng tháng gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi thực hiện việc tưới cây. Kế hoạch được lập phải đảm bảo lượng nước tưới vừa đủ; tuyệt đối không lạm dụng việc tưới cây để tiêu thoát nước thải hoặc làm nước tưới chảy tràn gây ô nhiễm nguồn nước mặt hoặc thấm quá mức xuống đất gây ô nhiễm nước ngầm.

- Chỉ được tích nước trong hồ dự phòng khi xảy ra các sự cố với hệ thống xử lý nước thải. Khi xảy ra các sự cố với hệ thống xử lý nước thải thì Chủ dự án phải xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B); đồng thời, phải phù hợp với mục đích sử dụng của nguồn tiếp nhận nước thải và có văn bản báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Krông Nông để theo dõi, giám sát.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai Dự án; phải thu gom, quản lý, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại, mùi hôi ra môi trường xung quanh; các hồ chứa trong hệ thống xử lý nước thải của Dự án trước khi thải ra môi trường cần được tiến hành chống thấm và có biện pháp ngăn chặn nước mưa chảy tràn chảy vào hồ.

6.4. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án. Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù

hợp, đảm bảo giảm thiểu hiệu quả các tác động tiêu cực do chất thải và mùi hôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi.

6.5. Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường, bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định.

6.6. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./nv

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Thanh Tùng